

Số: /YCBG-TTYT

Ea Kar, ngày tháng 9 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế Ea Kar có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm bổ sung năm 2025-2026 Dự toán mua sắm mua vật tư, thiết bị, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm bổ sung phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2025-2026 của Trung tâm Y tế Ea Kar với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Ea Kar.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Võ Thị Thu Thảo Nhân viên Phòng Tổ chức-Hành chính.
Số điện thoại: 0706228989 Email: Bveakar.tchc@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Văn thư, Phòng Tổ chức-Hành chính, Trung tâm Y tế Ea Kar, 40 Trần Hưng Đạo, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá đến trước 9:00 ngày 29/9/2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời điểm hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ thời điểm kết thúc nhận báo giá 9:00 ngày 29/9/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa.
- Mua sắm vật tư, thiết bị, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm bổ sung năm 2025-2026 *Chi tiết tại phụ lục 1 bảng mô tả hàng hóa đính kèm. (Hãng sản xuất, nhà cung cấp báo giá một mặt hàng hoặc nhiều mặt hàng).*
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa:
Cung cấp vật tư, thiết bị, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm tại Trung tâm Y tế Ea Kar, số 40 Trần Hưng Đạo, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian giao hàng từ 1 đến 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Trung tâm.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
- Tạm ứng: Không.
- Thanh toán hợp đồng: nhiều lần khi hoàn thành hợp đồng.

Các điều kiện tạm ứng, thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày sau khi nghiệm thu xong công việc, nhà thầu cung cấp hóa đơn chứng từ đầy đủ sau khi hoàn thành hợp đồng.

5. Các thông tin khác:

Hãng sản xuất, nhà cung cấp báo giá theo mẫu báo giá chi tiết tại “*Phụ lục 2 đính kèm*”.

Báo giá đã bao gồm thuế (VAT), thuế nhập khẩu (nếu có) và tất cả các chi phí liên quan kể cả phí vận chuyển đến Trung tâm Y tế Ea Kar số 40 Trần Hưng Đạo, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk.

Đối với báo giá nộp qua đường bưu điện tại khoản 3 mục I, các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam ghi rõ tên Công ty nộp báo giá và tên gói thầu ở ngoài bì thư.

Số lượng báo giá: 01 bản chính.

Trân trọng./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- HTMĐTQG;
- Lưu: VT, KD-TTB-VTYT.

Nguyễn Thanh Hùng

Phụ lục 1
Bảng mô tả hàng hóa

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /YCBG-TTYT ngày /9/2025 của Trung tâm Y tế Ea Kar)

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi cỡ số 1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1/0, dài ≥ 90 cm, kim tròn dài ≥ 40 mm, 1/2 vòng tròn. Xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ: G7 hoặc Châu Âu	Tép/Sợi	300
2	Chỉ tan tổng hợp đa sợi cỡ số 2	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 cỡ số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn dài ≥ 26 mm, 1/2 vòng tròn. Xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ: G7 hoặc Châu Âu	Tép/Sợi	180
3	Chỉ tan tổng hợp đa sợi cỡ số 3	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 cỡ số 3/0, chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn dài ≥ 26 mm, 1/2 vòng tròn. Xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ: G7 hoặc Châu Âu	Tép/Sợi	120
4	Chỉ thép phẫu thuật cỡ số 5	Chỉ thép phẫu thuật cỡ số 5 được làm bằng thép không gỉ, chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác dài 55 mm. Chất liệu thép không gỉ	Tép/Sợi	12
5	Chỉ thép phẫu thuật cỡ số 7	Chỉ thép phẫu thuật cỡ số 7 được làm bằng thép không gỉ , chỉ dài ≥ 60 cm, kim tam giác dài 120 mm. Chất liệu thép không gỉ	Tép/Sợi	12
6	Nẹp căng tay 7 lỗ	Nẹp căng tay 7 lỗ. Dày 2,5mm; rộng 9,5mm Chất liệu thép không gỉ.	Cái	20
7	Nẹp căng tay 8 lỗ	Nẹp căng tay 8 lỗ. Dày 2,5mm; rộng 9,5mm Chất liệu thép không gỉ.	Cái	20
8	Nẹp căng chân 8 lỗ thẳng	Nẹp căng chân 8 lỗ. Dày 4,0mm; rộng 12,0 mm Chất liệu thép không gỉ.	Cái	10

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
9	Nẹp căng chân 9 lỗ thẳng	Nẹp căng chân 9 lỗ. Dày 4,0mm; rộng 12,0 mm Chất liệu thép không gỉ.	Cái	10
10	Nẹp mini thẳng 4 lỗ	Nẹp mini thẳng 4 lỗ Dày 1,0mm; rộng 5,0mm Chất liệu thép không gỉ	Cái	10
11	Nẹp mini thẳng 5 lỗ	Nẹp mini thẳng 5 lỗ Dày 1,0mm; rộng 5,0mm Chất liệu thép không gỉ	Cái	10
12	Nẹp xương đòn chữ S 6 lỗ trái	Nẹp xương đòn chữ S 6 lỗ trái Chất liệu thép không gỉ	Cái	10
13	Nẹp xương đòn chữ S 6 lỗ phải	Nẹp xương đòn chữ S 6 lỗ phải Chất liệu thép không gỉ	Cái	10
14	Nẹp xương đòn chữ S 7 lỗ trái	Nẹp xương đòn chữ S 7 lỗ trái Chất liệu thép không gỉ	Cái	20
15	Nẹp xương đòn chữ S 7 lỗ phải	Nẹp xương đòn chữ S 7 lỗ phải Chất liệu thép không gỉ	Cái	20
16	Nẹp xương đòn chữ S 8 lỗ trái	Nẹp xương đòn chữ S 8 lỗ trái Chất liệu thép không gỉ	Cái	20
17	Nẹp xương đòn chữ S 8 lỗ phải	Nẹp xương đòn chữ S 8 lỗ phải Chất liệu thép không gỉ	Cái	20
18	Tuốc nơ vít xương 2.0 mm dùng trong y tế	Tuốc nơ vít xương 2.0 mm Dùng cho vít 2.0 mm. Đường kính mũi 1.5 mm Đầu tuốc nơ vít hình lục giác. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	2

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
19	Tuốc nơ vít xương 3.5 mm dùng trong y tế	Tuốc nơ vít xương 3.5 mm Dùng cho vít 3.5 mm. Đường kính mũi 2.7 mm Đầu tuốc nơ vít hình lục giác. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
20	Tuốc nơ vít xương 4.5 mm dùng trong y tế	Tuốc nơ vít xương 4.5 mm Dùng cho vít 4.5mm Đường kính mũi 3.5 mm Đầu tuốc nơ vít hình lục giác. Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
21	Kìm cắt đinh, chỉ thép dùng trong y tế	Kìm cắt đinh, chỉ thép dùng trong y tế Chiều dài 57cm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
22	Dụng cụ uốn nẹp xương dùng trong y tế	Dụng cụ uốn nẹp xương Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
23	Vít xương cứng 2.0 mm	Vít xương cứng đường kính thân ren 2.0 mm. Ren toàn phần, tự taro Mũi vít hình lục giác Dài ≥ 16 mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	100
24	Vít xương cứng 3.5 mm	Vít xương cứng đường kính thân ren 3.5 mm. Ren toàn phần, tự taro Mũi vít hình lục giác Dài ≥ 32 mm Chất liệu thép không gỉ	Cái	1.070

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
25	Vít xương cứng 4.5mm	Vít xương cứng đường kính thân ren 4,5mm Ren toàn phần, tự taro Mũ vít hình lục giác Dài từ 55-80mm Chất liệu thép không gỉ	Cái	180
26	Chỉ thị hóa học dùng cho tiết khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước	Chỉ thị hóa học bao gồm một bậc giấy và viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ được chứa trong giấy/màng phim/tấm mỏng. Viên hóa chất chảy và ngấm vào bậc giấy. Sản phẩm không chứa chì. Sử dụng để kiểm soát chất lượng tiết khuẩn gói dụng cụ của tất cả các chu trình tiết khuẩn bằng hơi nước ở nhiệt độ từ 121-135°C. Kích thước chiều dài: 5.1cm x 1.9cm Xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ: G7 hoặc Châu Âu	Miếng/ Cái/ Test	1.000
27	Gạc phẫu thuật	Gạc được dệt từ sợi cotton 100%, có sợi cản quang Đã tiệt trùng Kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp	Miếng	500
28	Băng keo lụa y tế	Băng vải lụa acetate taffeta 50-70%. Nền keo Acrylate: 30-50%. Keo làm từ Acrylate, ít gây kích ứng da, dính tốt. Kích thước: 1,25cm x $\geq 9,1$ m. Xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ: G7 hoặc Châu Âu	Cuộn	720
29	Băng bột bó 15cm x 2,7 m	Được làm từ bột thạch cao, có độ tinh khiết cao, lớp gạc 100% cotton. Kích thước: 15cm x $\geq 2,7$ m	Cuộn	500
30	Kim luồn tĩnh mạch tiêm 14G	Kim luồn tĩnh mạch cỡ 14G, có cánh, có công chích, 2 đường cản quang. Đường kính và độ dài catheter: $\geq 2.0 \times 45$ mm. Vật liệu công chích: PTFE hoặc FEP hoặc PUR hoặc HDPE Đã tiệt trùng	Cái	100

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
31	Kim lườn tĩnh mạch tiêm 16G	Kim lườn tĩnh mạch cỡ 16G, có cánh, có cổng chích, 2 đường cản quang. Đường kính và độ dài catheter: $\geq 1.7 \times 45$ mm. Vật liệu cổng chích: PTFE hoặc FEP hoặc PUR hoặc HDPE+LDPE Đã tiệt trùng	Cái	100
32	Bộ ga rô hơi chi trên, chi dưới	Garô hơi là 1 thiết bị được sử dụng trong thủ thuật đoạn chi để hạn chế sự lưu thông của máu trong các chi. Thiết bị có 1 áp kế rất chính xác và bền tốt để cung cấp sự đo lường chính xác và có thời gian sử dụng lâu bền. - Bộ phận bơm tạo áp suất bằng kim loại cứng + Áp kế bằng kim loại mạ crôm với mặt chia độ bằng nhôm dễ đọc có giá trị lên đến 700 mmHg. + Không khí trong bao đo có thể thoát ra ngoài bằng cách mở van xả. - Garô hơi, bao gồm 2 bao đo: + Bao đo bắp tay người lớn 57x9cm. + Bao đo bắp đùi người lớn 96x13cm. - Tất cả các bao đo được làm bằng chất liệu có thể giặt và tiệt trùng Xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ: G7 hoặc Châu Âu	Bộ	1
33	Máy điện xung trung tần	* Tính năng, thông số kỹ thuật: - Điện áp định mức: 220V. - Tần số định mức: ≥ 50 Hz. - Công suất đầu vào định mức: ≤ 60 VA. - Kích thước máy điện xung trung tần: dài 280mm, rộng 205mm, cao 80mm, dung sai ± 20 mm. - Dải tần số sóng trung tần: 2kHz ~ 10kHz, dung sai tần số đơn $\pm 10\%$; - Phạm vi điều chỉnh tần số: 0~150Hz, dung sai tần số đơn $\pm 10\%$ hoặc ± 1 Hz. - Dạng sóng truy xuất: sóng vuông, sóng tam giác, sóng xoáy, sóng nhọn, ...	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		- Phương thức điều chỉnh: liên tục, ngắt quãng, nghỉ giữa, biến tần. - Biên độ điều chỉnh: 0%, 25%, 50%, 75%, 100%, dung sai $\pm 5\%$. - Phác đồ điều trị: ≥ 35 phác đồ. - Dòng điện đầu ra trung tần: ở điều kiện phụ tải 500Ω, dòng điện đầu ra của mỗi mạch không quá 100mA. - Độ ổn định dòng điện đầu ra: tỷ lệ thay đổi dòng điện đầu ra dưới các tải khác nhau không được lớn hơn 10%. - Điện áp tại giá trị cực đại đầu ra trung tần: Khi được đo trong điều kiện mạch hở, điện áp tại giá trị cực đại đầu ra trung tần không được vượt quá 500V. * Phụ kiện sử dụng đi kèm theo máy: - Dây nguồn: 01 cái. Dây dài $\geq 1800\text{mm}$. - Dây điện cực (có gắn đầu nối dùng để truyền tín hiệu rung từ đầu ra của máy điều trị trung tần đến tấm điện cực): ≥ 02 cái, dài $\geq 1300\text{ mm}$. - Tấm điện cực: + Phạm vi gia nhiệt tấm điện cực là $38\text{ }^{\circ}\text{C} \sim 55\text{ }^{\circ}\text{C}$, phân 6 cấp, dung sai $\pm 3\text{ }^{\circ}\text{C}$. + Tấm điện cực nhỏ: ≥ 02 cái, kích thước dài 85mm, rộng 55mm, dung sai $\pm 10\%$. + Tấm điện cực lớn: ≥ 02 cái, kích thước: dài 107mm, rộng 72mm, sai số $\pm 10\%$. + Túi nhung tấm điện cực nhỏ : ≥ 02 cái, kích thước 100mm x 65mm. + Túi nhung tấm điện cực to : ≥ 02 cái, kích thước 120mm x 80mm. + Cầu chì: ≥ 02 cái, + Dây đai kích thước 400mm: ≥ 02 cái. + Dây đai kích thước 250mm: ≥ 02 cái.		

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
34	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử nước tiểu. Sử dụng tương thích, phù hợp với máy xét nghiệm nước tiểu Combostik R700 hoặc tương đương hiện có tại đơn vị. Tối thiểu 11 thông số gồm: Ascorbic Acid (ASC), Glucose (GLU), Bilirubin (BIL), Ketone (KET), Specific Gravity (SG), Blood (BLO), pH, Protein (PRO), Urobilinogen (URO), Nitrite (NIT), Leukocytes (LEU).	Que/ Test	20.000
35	Hóa chất định lượng HDL-Cholesterol	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol. Sử dụng phù hợp, tương thích với thiết bị máy sinh hóa pictus 500 hoặc tương đương. Thành phần, nồng độ Thuốc thử 1 Good's bufer (pH 7.0): 30 mmol/L. 4-Aminoantipyrine: 0.9 mmol/L. Peroxidase: 2.4 KU/L. Ascorbatoxidase: 2.7 KU/L. Antihuman- β -Lipoprotein Antikörper. Thuốc thử 2 Cholesterolesterase: 4 KU/L. Cholesterooloxidase: 20 KU/LF-DAOS: 0.8 mmol/L. Hộp $\geq 2 \times 45\text{ml} + 1 \times 30\text{ml}$.	Hộp	4
36	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL/LDL	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL/LDL là huyết thanh hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Sử dụng phù hợp, tương thích với thiết bị máy sinh hóa pictus 500 hoặc tương đương. Lọ $\geq 1\text{ml}$.	Lọ	4

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
37	Hóa chất định lượng GGT	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT (Gamma-Glutamyl Transferase). Sử dụng phù hợp, tương thích với thiết bị máy sinh hóa pictus 500 hoặc tương đương. Thành phần; nồng độ dung dịch: Buffer. TRIS-Buffer pH 8.25: 85 mmol/L. Glycylglycin: 150 mmol/L. Sodium azide: 0.1 %. Starter . L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 2.9 mmol/L. Hộp $\geq 2 \times 50$ ml + 1×20 ml.	Hộp	2
38	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng CRP mức thấp	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng CRP mức thấp. Sử dụng phù hợp, tương thích với thiết bị máy sinh hóa pictus 400, Pictus 500 hoặc tương đương. Hóa chất kiểm soát là dung dịch pha loãng huyết tương người và dịch màng phổi với dung dịch muối đệm phosphat. Chất bảo quản: sodium azide. Lọ ≥ 1ml.	Lọ	2
39	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng CRP mức cao	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng CRP mức cao. Sử dụng phù hợp, tương thích với thiết bị máy sinh hóa pictus 400, Pictus 500 hoặc tương đương. Hóa chất kiểm soát là dung dịch pha loãng huyết tương người và dịch màng phổi với dung dịch muối đệm phosphat. Chất bảo quản: sodium azide. Lọ ≥ 1ml.	Lọ	2

Phụ lục 2
Mẫu báo giá

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số
TÊN CÔNG TY

/YCBG-TTYT ngày

/9/2025 của Trung tâm Y tế Ea Kar)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /YCBG-TTYT ngày / /2025 của Trung tâm Y tế Ea Kar, chúng tôi.....
[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; Trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho hàng hóa và dịch vụ liên quan:

STT	Tên hàng hóa ⁽²⁾	Tên thương mại (nếu có) ⁽³⁾	Chủng loại (Model)/Mã sản phẩm/Ký mã hiệu/Nhãn hiệu ⁽⁴⁾	Hãng sản xuất- Nước sản xuất ⁽⁵⁾	Năm sản xuất ⁽⁶⁾	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật ⁽⁷⁾	Đơn vị tính ⁽⁸⁾	Số lượng ⁽⁹⁾	Đơn giá (bao gồm VAT) ⁽¹⁰⁾	Thành tiền (VND) ⁽¹¹⁾
1										
.....										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:..... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp ⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú ⁽¹²⁾.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi tên hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Tên hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể “Tên thương mại” của hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Chung loại (Model)/Mã sản phẩm/Ký mã hiệu/Nhãn hiệu tương ứng với Chung loại (Model)/Mã sản phẩm/Ký mã hiệu/Nhãn hiệu của hàng hóa ghi tại cột “Tên hàng hóa”.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Hãng sản xuất-Nước sản xuất, năm sản xuất của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin về Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hãng sản xuất phù hợp với thông tin tại Phụ lục 1 Bảng mô tả danh mục hàng hóa của yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá (bao gồm VAT) tương ứng với từng hàng hóa.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.